

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 01-7-2020.

*V/v tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Hải.

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương.

**- T ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – T ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp X, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp X, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Nguyễn Thị Tr là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Bà Tr và ông B kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Vĩnh Đông. Bà Tr và ông B chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Tr và ông B bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, từng xuyên cãi vã. Bà Tr và ông B không còn sống chung với nhau khoảng 04 năm nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà Tr quyết định ly hôn với ông Nguyễn Tấn B.

Về con chung: Bà Tr và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/3/2011, hiện nay 02 con đang sống chung với bà Tr. Nếu được ly hôn, bà Tr yêu cầu được nuôi 02 con chung, bà Tr không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr và ông B không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn là ông Nguyễn Tấn B đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Tấn B kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Vĩnh Đông vào năm 2011. Nay bà Nguyễn Thị Tr yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn B, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Nguyễn Tấn B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Tấn B.

[3] Bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Tấn B chung sống hạnh phúc được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng từng xuyên cải vả. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà Tr và ông B không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr, cho bà Tr ly hôn với ông B.

[4] Về con chung: Bà Tr và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/3/2011, hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà Tr. Bà Tr yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung, bà Tr không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Nguyễn Anh T và Nguyễn Minh T mong muốn được sống với bà Tr. Ông Nguyễn Tấn B không có ý kiến gì về việc nuôi con. Yêu cầu của bà Tr phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của bà Tr, giao cho bà Tr trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Anh T và Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Tấn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tr, cho bà Nguyễn Thị Tr ly hôn với ông Nguyễn Tấn B.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Tr và ông Nguyễn Tấn B có 02 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/3/2011, hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà Nguyễn Thị Tr. Khi ly hôn, giao cho bà Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Anh T và Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Tấn B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0000279, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Tấn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Tấn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\*Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Vĩnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng